

Số: 56 /TTr-UBND

Sông Công, ngày 14 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc phân bổ vốn, khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng
giao thông, sửa chữa kênh mương và Nhà văn hoá
trên địa bàn các xã, phường năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Sông Công

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2024;

Căn cứ nhu cầu đăng ký xây dựng kết cấu hạ tầng năm 2025 của các xã, phường trên địa bàn thành phố;

UBND thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII, kỳ họp thứ 25 (kỳ họp chuyên đề) xem xét về việc phân bổ vốn, khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, sửa chữa kênh mương và Nhà văn hoá trên địa bàn các xã, phường năm 2025 với nội dung như sau:

I. Tổng nguồn vốn hỗ trợ cơ sở hạ tầng trên địa bàn các xã, phường năm 2025 là 20.351,67 triệu đồng

- Vốn của các công trình năm trước là: 6.714,60 triệu đồng.

- Vốn của các công trình đăng ký khởi công mới năm 2025 là: 13.637,07 triệu đồng.

II. Phương án phân bổ

1. Phân bổ vốn hỗ trợ xây dựng, sửa chữa kênh mương và Nhà văn hoá trên địa bàn các xã, phường các năm trước

Tổng nguồn vốn hỗ trợ của thành phố là: 6.714,60 triệu đồng.

+ Xã Bình Sơn: 2.137,12 triệu đồng.

+ Phường Bách Quang: 500,0 triệu đồng.

+ Phường Cải Đan: 333,89 triệu đồng.

+ Phường Châu Sơn: 120,53 triệu đồng.

+ Phường Lương Sơn: 2.833,69 triệu đồng.

+ Phường Phố Cò: 393,06 triệu đồng.

+ Phường Thắng Lợi: 396,32 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ lục I kèm theo)

2. Phương án phân bổ vốn, khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, sửa chữa kênh mương và Nhà văn hoá trên địa bàn các xã, phường năm 2025 (khởi công mới)

2.1. Phương án đề xuất phân bổ vốn, khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông trên địa bàn các xã, phường năm 2025

** Phương án phân bổ*

Công trình đường bê tông liên xã, phường, liên xóm, tổ dân phố và tuyến đường trục chính của xóm, tổ dân phố:

** Công trình đường bê tông xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng*

- Công trình đường bê tông có chiều rộng mặt bê tông dưới 5m áp dụng phương án phân bổ:

+ Đối với xã: Nhà nước hỗ trợ 60%, nhân dân đóng góp 40% giá trị quyết toán công trình.

+ Đối với phường: Nhà nước hỗ trợ 40%, nhân dân đóng góp 60% giá trị quyết toán công trình.

- Công trình đường bê tông có chiều rộng mặt bê tông từ 5m trở lên áp dụng phương án phân bổ:

+ Xã Bá Xuyên, xã Tân Quang là hai đơn vị thực hiện nâng cấp từ xã lên phường và xã Bình Sơn là xã ATK: Nhà nước hỗ trợ 70%, nhân dân đóng góp 30% giá trị quyết toán công trình.

+ Các phường: Nhà nước hỗ trợ 60%, nhân dân đóng góp 40% giá trị quyết toán công trình.

** Công trình đường bê tông trong ngõ, ngách*

- Phương án phân bổ: Nhà nước hỗ trợ toàn bộ xi măng theo giá trị dự toán, quyết toán được phê duyệt, còn lại do huy động đóng góp từ nhân dân (bằng tiền, vật tư, ngày công lao động).

- Điều kiện:

+ Tuyến đường ngõ, ngách có chiều rộng mặt đường từ 2,5m trở lên, không thuộc quy hoạch tỷ lệ 1/500 của các dự án đầu tư trên địa bàn.

+ Đối với tổ dân phố: Áp dụng từ 8 hộ gia đình trở lên.

+ Đối với xóm: Áp dụng từ 5 hộ gia đình trở lên.

+ Các hộ gia đình trong cụm dân cư phải có đất, nhà ở riêng lẻ.

** Kế hoạch phân bổ*

Tổng vốn, khối lượng vật tư xi măng hỗ trợ của thành phố là: 12.968 triệu đồng và 4.269,5 tấn cụ thể:

+ Xã Bình Sơn: 5.301,3 triệu đồng và 1.741,5 tấn xi măng.

+ Xã Bá Xuyên: 595 triệu đồng và 144,0 tấn xi măng.

+ Xã Tân Quang: 1.786,5 triệu đồng và 535,0 tấn xi măng.

+ Phường Bách Quang: 87,0 triệu đồng và 24,3 tấn xi măng.

+ Phường Cải Đan: 855,4 triệu đồng và 396,9 tấn xi măng.

- + Phường Châu Sơn: 391,8 triệu đồng và 214,7 tấn xi măng.
- + Phường Lương Sơn: 2.928,2 triệu đồng và 956,8 tấn xi măng.
- + Phường Mỏ Chè: không có nhu cầu.
- + Phường Phó Cò: 345,2 triệu đồng và 75,7 tấn xi măng.
- + Phường Thắng Lợi: 677,6 triệu đồng và 180,6 tấn xi măng.

(Chi tiết có phụ lục II kèm theo)

2.2. Phân bổ vốn hỗ trợ xây dựng, sửa chữa kênh mương trên địa bàn các xã, phường năm 2025

* *Phương án phân bổ*

- Công trình kênh mương xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng
+ Đối với xã: Nhà nước hỗ trợ 70%, nhân dân đóng góp 30% giá trị quyết toán công trình.

+ Đối với phường: Nhà nước hỗ trợ 50%, nhân dân đóng góp 50% giá trị quyết toán công trình.

* *Kế hoạch phân bổ*

Tổng nguồn vốn đầu tư thành phố thực hiện hỗ trợ: 100 triệu đồng.

Trong đó:

- Phường Phó Cò: 100 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ lục III kèm theo)

2.3. Phân bổ vốn hỗ trợ xây dựng, sửa chữa Nhà văn hoá trên địa bàn các xã, phường năm 2025

* *Phương án phân bổ*

Căn cứ “Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 10/5/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chính sách hỗ trợ đầu tư Nhà văn hoá - Khu thể thao xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2023 - 2025”.

- Xây dựng mới Nhà văn hoá hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư nhưng không quá 250 triệu đồng.

- Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo, mở rộng Nhà văn hoá hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư nhưng không quá 150 triệu đồng.

* *Kế hoạch phân bổ*

Tổng nguồn vốn đầu tư thành phố thực hiện hỗ trợ 569 triệu đồng. Trong đó:

- Xã Bình Sơn: 150 triệu đồng (sửa chữa 01 Nhà văn hoá).

- Xã Tân Quang: 100 triệu đồng (sửa chữa 01 Nhà văn hoá).

- Phường Thắng Lợi: 69 triệu đồng (sửa chữa 01 Nhà văn hoá).

- Phường Mỏ Chè: 250 triệu đồng (xây mới 01 Nhà văn hoá).

(Chi tiết có phụ lục IV kèm theo)

Trên đây là Tờ trình về việc phân bổ vốn, khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, sửa chữa kênh mương và Nhà văn hoá trên địa bàn các xã, phường năm 2025. UBND thành phố báo cáo và đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII, kỳ họp thứ 25 (kỳ họp chuyên đề) xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND thành phố;
- Lãnh đạo UBND thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Các đại biểu HĐND thành phố;
- Các phòng, ban, ngành thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VP, TCKH.

(Chiếm/TT/ b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Duy Nghĩa

Phụ lục I:
PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÒN LẠI TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ, PHƯỜNG
 (Kèm theo Tờ trình số 56 /TTr-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2025 của UBND thành phố Sông Công)

TT	Tên công trình	Giá trị đề nghị quyết toán/khoi lượng thực hiện/giá trị quyết toán	Ngân sách thành phố hỗ trợ (triệu đồng)		
			Tổng	Ngân sách thành phố đã hỗ trợ (triệu đồng)	Ngân sách thành phố còn phải hỗ trợ (triệu đồng)
	Tổng	18.234,175	11.097,197	4.258,070	6.714,598
A	UBND xã Bình Sơn	4.959,183	3.406,526	1.269,411	2.137,115
1	Đường bê tông xóm Phú Sơn, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn ngầm C1 - đường WB3)	373,035	261,125	106,121	155,004
2	Đường bê tông xóm Xuân Đăng 2, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn ngầm Cầu Đá - Cống ông Nghiệp)	832,847	582,993	177,809	405,184
3	Đường bê tông xóm Bá Vân 1, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn cống ông Bộ - cống ông Đức)	360,663	252,464	101,548	150,917
4	Đường bê tông xóm Bình Định 1, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn dốc Đồi Dân - cống ông Thịnh)	303,716	212,601	83,659	128,942
5	Đường bê tông xóm Bình Định 1, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn cống ông Oanh - Soi vàng)	990,687	693,481	276,801	416,680
6	Đường bê tông xóm Trung Tâm, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường (Đoạn đường ngõ đi đồng Sa iêng)	152,008	91,205	43,175	48,031
7	Đường bê tông xóm Bá Vân 1, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn cống bà Sang - cống ông Phương)	394,070	275,849	111,232	164,617
8	Đường bê tông xóm Lát Đá, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường (Đoạn đường ngõ đi cống ông Minh)	101,241	60,745	27,573	33,172
9	Đường bê tông xóm Lát Đá, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường (Đoạn đường ngõ đi cống ông Phong)	102,062	61,237	28,918	32,320
10	Đường bê tông xóm Bình Định 1, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn dốc Đồi Dân - cống ông Trọng)	293,702	176,221	80,700	95,521
11	Đường bê tông xóm Xuân Đăng 2, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn cống ông Xuyên - cống ông Thường)	470,468	329,328	99,396	229,932

TT	Tên công trình	Giá trị đề nghị quyết toán/khối lượng thực hiện/giá trị quyết toán	Ngân sách thành phố hỗ trợ (triệu đồng)		
			Tổng	Ngân sách thành phố đã hỗ trợ (triệu đồng)	Ngân sách thành phố còn phải hỗ trợ (triệu đồng)
12	Đường bê tông xóm Bình Định 3, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn cầu treo Bình Định - cống ông Đoàn)	584,682	409,278	132,483	276,795
B	UBND phường Bách Quang	1.769,500	500,000	-	500,000
1	Nhà văn hóa TDP la Đình	795,000	250,000		250,000
2	Nhà văn hóa TDP Khu Yên	974,500	250,000		250,000
C	UBND phường Cải Đan	994,205	695,944	237,527	333,887
1	Đường bê tông TDP Phố Mới phường Cải Đan. HM: Mặt đường (Đoạn cống ông Bình - cống bà Oanh)	271,648	190,154	73,034	117,120
2	Đường bê tông TDP Nguyên Bấy phường Cải Đan. HM: Mặt đường, rãnh thoát nước (Đoạn cống ông Sinh - cống ông Cảnh)	722,557	505,790	164,494	216,767
D	UBND phường Châu Sơn	358,039	172,314	51,783	120,531
1	Đường bê tông từ giáp đường rào phía tây công ty Diezel đến nhà ông Han TDP 5, phường Châu Sơn	135,133	54,053	35,239	18,814
2	Đường vào nhà Văn hóa Sơn Tía	68,074	40,844	16,544	24,301
3	Mương nội đồng Cửa Nghè TDP 1, phường Châu Sơn	90,067	45,034	-	45,034
4	Mương nội đồng La Từa TDP 1, phường Châu Sơn	64,765	32,383	-	32,383
Đ	UBND phường Lương Sơn	6.462,948	4.351,534	1.517,846	2.833,688
1	Đường bê tông tổ dân phố Soi, phường Lương Sơn. Hạng mục: Mở rộng mặt đường (đoạn từ đường hiện trạng đến ngã ba nhà văn hóa tổ dân phố Soi)	762,456	533,719	182,248	351,472
2	Đường bê tông tổ dân phố Cừ, phường Lương Sơn. Hạng mục: Mở rộng mặt đường (đoạn từ đường hiện trạng đến nhà ông Bình Hằng)	781,941	547,358	187,224	360,134
3	Đường bê tông tổ dân phố Kè, phường Lương Sơn. Hạng mục: Mở rộng mặt đường (đoạn từ đường hiện trạng đến nhánh rẽ đi bờ sông)	1.043,542	730,479	251,784	478,695
4	Đường bê tông tổ dân phố Đông, phường Lương Sơn. Hạng mục: Mở rộng mặt đường (đoạn từ đường quốc lộ 37 đến đường rẽ bờ đập Sâu Nha)	896,025	627,217	215,604	411,614
5	Đường bê tông tổ dân phố Xộp, phường Lương Sơn. Hạng mục: Mở rộng mặt đường (đoạn từ ngã ba tổ dân phố Xộp đến nhà ông Sơn Mùi)	837,057	585,940	199,329	386,611

TT	Tên công trình	Giá trị đề nghị quyết toán/khối lượng thực hiện/giá trị quyết toán	Ngân sách thành phố hỗ trợ (triệu đồng)		
			Tổng	Ngân sách thành phố đã hỗ trợ (triệu đồng)	Ngân sách thành phố còn phải hỗ trợ (triệu đồng)
6	Đường bê tông tổ dân phố Nha Làng, phường Lương Sơn. Hạng mục: Mở rộng mặt đường (đoạn từ đường hiện trạng đến ngã ba đi tổ dân phố Cừ)	788,465	551,926	190,990	360,936
7	Đường bê tông tổ dân phố Ga, phường Lương Sơn. Hạng mục: Mở rộng mặt đường (đoạn từ gác chắn đường sắt đến cổng nhà ông Cảnh)	667,877	400,726	156,424	244,303
8	Đường bê tông tổ dân phố Ngân, phường Lương Sơn. Hạng mục: Mở rộng mặt đường (đoạn từ đường hiện trạng đi tổ dân phố Tân Trung)	313,747	188,248	74,244	114,004
9	Sửa chữa mương TDP Ngân (Đoạn từ chùa Thuần Lương - đồng công làng)	189,069	94,534	30,000	64,534
10	Sửa chữa mương TDP Ngân (đoạn nối mương nước đồng bờ trè- đồng la nang la rất)	182,769	91,385	30,000	61,385
E	UBND phường Phố Cò	2.484,600	1.247,460	854,400	393,060
1	Đường bê tông TDP Tân Mới phường Phố Cò; Hạng mục: Mặt đường (Đoạn cổng ông Quý- đường bê tông TDP Tân Huyện - cổng bà Quỳnh)	915,600	549,360	229,600	319,760
2	Đường bê tông TDP 3 phường Phố Cò; Hạng mục: Mặt đường (Đoạn đường bê tông hiện trạng - đường Trần Hưng Đạo)	547,000	148,700	127,000	21,700
3	Đường bê tông TDP Tân Mới phường Phố Cò; Hạng mục: Mặt đường (Đoạn đường đi xã Đắc Sơn);	282,000	127,200	112,800	14,400
4	Đường bê tông TDP Tân Huyện, phường Phố Cò; Hạng mục: Mặt đường (Đoạn cổng ông Bình- cổng bà Lý)	289,000	129,500	115,000	14,500
5	Đường bê tông TDP Tân Mới phường Phố Cò; Hạng mục: Mặt đường (Đoạn đường bê tông hiện trạng cổng ông Kết)	451,000	292,700	270,000	22,700
G	UBND phường Thăng Lợi	1.205,700	723,420	327,104	396,316
1	Đường bê tông TDP 13 + Hợp Thành (đoạn đường CMT 8 đến cổng nhà ông Minh)	1.205,700	723,420	327,104	396,316

Phụ lục II:
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG NĂM 2025
(Kèm theo Tờ trình số 56 /TTr-UBND ngày 14 / 8 /2025 của UBND thành phố Sông Công)

TT	Tên công trình	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Khối lượng xi măng (tấn)	Đề xuất cơ chế hỗ trợ	Dự kiến Ngân sách nhà nước hỗ trợ (triệu đồng)	Dự kiến Nhân dân đóng góp (triệu đồng)	Ghi chú
		18.471,0		22.304,60	4.269,50	-	12.968,07	9.336,53	
A	UBND xã Bình Sơn	6.790,0		7.992,7	1.741,5		5.301,3	2.691,4	
I	Tuyến đường có quy mô mặt đường từ 5m trở lên								
1	Đường bê tông xóm Cây Lá, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn ngã tư nhà ông Chính - xóm Lát Đá)	800	5	980	213,5	70-30	686,00	294,00	
2	Đường bê tông xóm Cây Lá, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn ngã tư nhà ông Chính - xóm Bá Vân 4)	500	5	612,5	133,5	70-30	428,75	183,75	
3	Đường bê tông xóm Bá Vân 2, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn từ nhà ông Việt - nhà ông Tầm)	350	5	428,8	93,4	70-30	300,16	128,64	
4	Đường bê tông xóm Tân Tiến, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn từ ngã ba Trạm biến áp - Chợ Bình Sơn)	220	5	269,5	58,7	70-30	188,65	80,85	
5	Đường bê tông xóm Tân Tiến, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn từ ngã ba nhà ông Đoàn - Ngã tư nhà ông Đang)	250	6	367,5	80,1	70-30	257,25	110,25	
6	Đường bê tông xóm Bình Định 3, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn từ nhà ông Tuấn Sưu - ngã ba nhà ông Thường)	700	5	857,5	186,8	70-30	600,25	257,25	
7	Đường bê tông xóm Xuân Đăng 3, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn từ cống ông Khương đi nhà ông Hạnh)	500	5	612,5	133,5	70-30	428,75	183,75	
8	Đường bê tông xóm Xuân Đăng 3, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn từ cầu Góc Rom đi nhà ông Ái)	100	5	122,5	26,7	70-30	85,75	36,75	
9	Đường bê tông xóm Lát Đá, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn từ nhà văn hóa xóm - cống nhà ông Báo)	450	5	551,3	120,1	70-30	385,91	165,39	

TT	Tên công trình	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Khối lượng xi măng (tấn)	Đề xuất cơ chế hỗ trợ	Dự kiến Ngân sách nhà nước hỗ trợ (triệu đồng)	Dự kiến Nhân dân đóng góp (triệu đồng)	Ghi chú
10	Đường bê tông xóm Đông Hưng, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn từ Nhà văn hóa - xóm Xuân Đãng 1)	700	5	857,5	186,8	70-30	600,25	257,25	
11	Đường bê tông xóm Xuân Đãng 1, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn từ nhà ông Mạnh Bích đi Xuân Đãng 3 - Na Vùng)	100	5	122,5	26,7	70-30	85,75	36,75	
12	Đường bê tông xóm Bình Định 2, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn từ cầu cứng Bình Định đi Nhà văn hóa xóm)	500	5	612,5	133,5	70-30	428,75	183,75	
13	Đường bê tông xóm Xuân Đãng 3, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn từ cống ông Nam đi cống ông Tư)	300	5	367,5	80,1	70-30	257,25	110,25	
II	Tuyến đường có quy mô mặt đường dưới 5m							-	
14	Đường bê tông xóm Đông Hưng, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn từ đường WB3 - đi khu nghĩa trang Vai Hồng)	100	3,5	98,0	21,4	60-40	58,80	39,20	
15	Đường bê tông xóm Đông Hưng, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn từ đường WB3 - đi cánh đồng La Hoa)	200	3,5	196,0	42,7	60-40	117,60	78,40	
16	Đường bê tông xóm Bình Định 3, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn từ nhà ông Hùng - đồng Rạ Cá)	130	2,5	91,0	19,8	60-40	54,60	36,40	
17	Đường bê tông xóm Xuân Đãng 1, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn từ nhà ông Cửu Trinh - đồng Đầu Trâu)	100	4	112,0	24,4	60-40	67,20	44,80	
18	Đường bê tông xóm Bá Vân 4, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn từ nhà ông Ngọc - nhà bà Giáp)	200	3	168,0	36,6	60-40	100,80	67,20	
III	Đường ngõ, ngách có quy mô mặt đường từ 2,5m trở lên								
19	Đường bê tông xóm Bá Vân 2, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn từ nhà ông Hòa - nhà bà Bích)	250	4	280	61,0	Cấp xi	83,57	196,43	

TT	Tên công trình	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Khối lượng xi măng (tấn)	Đề xuất cơ chế hỗ trợ	Dự kiến Ngân sách nhà nước hỗ trợ (triệu đồng)	Dự kiến Nhân dân đóng góp (triệu đồng)	Ghi chú
20	Đường bê tông xóm Bình Định 3, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn từ ngã ba Cây Vạng - nhà ông Sơn)	170	3	142,8	31,1	Cấp xi	42,61	100,19	
21	Đường bê tông xóm Linh Sơn 2, xã Bình Sơn. Hạng mục: Mặt đường và cống thoát nước (Đoạn từ nhà ông Tài - nhà ông Long)	170	3	142,8	31,1	Cấp xi	42,61	100,19	
B	UBND xã Bá Xuyên	840,0		946,0	144,0		595,00	351,00	
I	Tuyến đường có quy mô mặt đường từ 5m trở lên								
1	Đường bê tông xóm Đór, xã Bá Xuyên (Hạng mục mở rộng mặt đường đoạn từ cống bà Tám đến kênh N12-5+6)	180	5	274	42,0	70-30	191,80	82,20	
II	Tuyến đường có quy mô mặt đường dưới 5m								
2	Đường bê tông xóm Ao Cang, xã Bá Xuyên (Hạng mục mở rộng mặt đường đoạn từ cống ông Độ đi đường Nước Hai)	370	3	360	54,6	60-40	216,00	144,00	
3	Đường bê tông xóm Ao Cang, xã Bá Xuyên (Hạng mục mở rộng mặt đường đoạn từ cống ông Huy đi đồng Cây Trám)	200	3	240	36,4	60-40	144,00	96,00	
4	Đường bê tông xóm Chũng Na, xã Bá Xuyên (Hạng mục mở rộng mặt đường đoạn từ cống ông Doanh đi đồng Cây Trám)	90	3	72	11,0	60-40	43,20	28,80	
III	Đường ngõ, ngách có quy mô mặt đường từ 2,5m trở lên								
C	UBND xã Tân Quang	2.101,0		2.764,7	535,0		1.786,52	978,18	
I	Tuyến đường có quy mô mặt đường từ 5m trở lên								
1	Đường bê tông xóm Đông Tiến: Từ cống nhà ông Đức đến cầu chui 19	770	5	1193,5	231,0	70-30	835,45	358,05	
2	Đường bê tông xóm Bài Lài: Từ nhà ông Tạo đến nhà ông Hạng	253	5	392,2	75,9	70-30	274,54	117,66	
3	Đường bê tông xóm Đông Tiến: Từ cống nhà ông Dũng đến cống NVH xóm	230	5	356,5	69,0	70-30	249,55	106,95	
II	Tuyến đường có quy mô mặt đường dưới 5m								

TT	Tên công trình	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Khối lượng xi măng (tấn)	Đề xuất cơ chế hỗ trợ	Dự kiến Ngân sách nhà nước hỗ trợ (triệu đồng)	Dự kiến Nhân dân đóng góp (triệu đồng)	Ghi chú
4	Đường bê tông xóm Đông Tiến: Từ ngã ba trường liên cấp đến cánh đồng La Giã	150	3	139,5	27,0	60-40	83,70	55,80	
5	Đường bê tông xóm Đông Tiến: Từ ao nhà ông Kỳ đi cánh đồng Tập Ngựa	205	3	191	36,9	60-40	114,60	76,40	
6	Đường bê tông xóm Tân Thành 2: Đoạn từ nhà ông Liễu đến nhà ông Thống	236	4	293	56,6	60-40	175,80	117,20	
III	Đường ngõ, ngách có quy mô mặt đường từ 2,5m trở lên								
7	Đường bê tông xóm Đông Tiến: Đoạn từ cổng nhà bà Chè lên bờ kênh đến tiếp giáp với đường xóm Tân Thành 1	257	2,5	199	38,6	Cấp xi	52,88	146,12	
D	UBND phường Bách Quang	100,0		145,0	24,3		87,00	58,00	
I	Tuyến đường có quy mô mặt đường từ 5m trở lên								
1	Đường bê tông phường Bách Quang đoạn từ nhà ông Luận đến Nhà văn hoá	100	5	145	24,3	60-40	87,00	58,00	
II	Tuyến đường có quy mô mặt đường dưới 5m								
III	Đường ngõ, ngách có quy mô mặt đường từ 2,5m trở lên								
Đ	UBND phường Cải Đan	1.960,0		2.278,5	396,9		855,43	1.423,07	
I	Tuyến đường có quy mô mặt đường từ 5m trở lên								
1	Đường bê tông TDP Phố Mới phường Cải Đan. HM: Mặt đường (Đoạn từ QL3 vào qua nhà văn hóa)	160	5	248	43,2	60-40	148,80	99,20	
2	Đường bê tông TDP Nguyên Gon phường Cải Đan. HM: Mặt đường (Đoạn từ sau lô 3 khu B đường Thống Nhất đến kênh N12-10)	200	5	310	54,0	60-40	186,00	124,00	
II	Tuyến đường có quy mô mặt đường dưới 5m								
3	Đường bê tông TDP Phố Mới phường Cải Đan. HM: Mặt đường (Đoạn từ cổng nhà Nụ Oanh - cổng nhà ông Hồng Lợi)	250	4	310	54,0	40-60	124,00	186,00	

TT	Tên công trình	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Khối lượng xi măng (tấn)	Đề xuất cơ chế hỗ trợ	Dự kiến Ngân sách nhà nước hỗ trợ (triệu đồng)	Dự kiến Nhân dân đóng góp (triệu đồng)	Ghi chú
4	Đường bê tông TDP Nguyên Gon phường Cải Đan. HM: Mặt đường (Đoạn từ đường thống nhất đến đường bê tông hiện trạng TDP giáp kênh mương Hồ Núi Cốc)	400	3	372	64,8	40-60	148,80	223,20	
III	Đường ngõ, ngách có quy mô mặt đường từ 2,5m trở lên								
5	Đường bê tông TDP Nguyên Gon phường Cải Đan. HM: Mặt đường (Đoạn từ Kênh Hồ Núi Cốc vào ngõ ông Thắng)	200	3	186	32,4	Cấp xi	44,39	141,61	
6	Đường bê tông TDP Nguyên Gon phường Cải Đan. HM: Mặt đường (Đoạn từ kênh N12 - 10 vào ngõ nhà ông Việt)	200	3,5	217	37,8	Cấp xi	51,79	165,21	
7	Đường bê tông TDP Phố Mới phường Cải Đan. HM: Mặt đường (Đoạn nhà Bình Chi - nhà ông Cảnh)	300	3,5	325,5	56,7	Cấp xi	77,68	247,82	
8	Đường bê tông TDP Phố Mới phường Cải Đan. HM: Mặt đường (Đoạn từ nhà bà Nụ đến nhà Giang Hợi)	250	4	310	54,0	Cấp xi	73,98	236,02	
E	UBND phường Châu Sơn	850,0		831,0	214,7		391,84	439,16	
I	Tuyến đường có quy mô mặt đường từ 5m trở lên								
1	Đường bê tông phường Châu Sơn đoạn từ cổng ông Tuấn xuống đồng cây Lem La cổng và xưởng cơ khí Hoàng Triều, TDP 4	250	5,4	280	75,0	60-40	168,00	112,00	
2	Đường TDP Bá Xuyên 1, tổ dân phố 1	150	5	130	40,0	60-40	78,00	52,00	
II	Tuyến đường có quy mô mặt đường dưới 5m								
3	Đường bê tông nội đồng TDP Tân Sơn	300	2,5	280	75,0	40-60	112,00	168,00	
III	Đường ngõ, ngách có quy mô mặt đường từ 2,5m trở lên								
4	Đường ngõ Ao Vối, TDP 2, phường Châu Sơn	150	2,5	141	24,7	Cấp xi	33,84	107,16	
G	UBND phường Lương Sơn	4025,0		5491,7	956,8		2.928,22	2.563,48	
I	Tuyến đường có quy mô mặt đường từ 5m trở lên								

TT	Tên công trình	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Khối lượng xi măng (tấn)	Đề xuất cơ chế hỗ trợ	Dự kiến Ngân sách nhà nước hỗ trợ (triệu đồng)	Dự kiến Nhân dân đóng góp (triệu đồng)	Ghi chú
1	Đường bê tông tổ dân phố Tiến Bộ. Hạng mục: Mở rộng mặt đường (đoạn từ nhà bà Thủy đến nhà bà Sướng)	200	5	310	54,0	60-40	186,00	124,00	
2	Đường bê tông tổ dân phố Na Hoàng. Hạng mục: Mở rộng mặt đường (đoạn từ đường sắt đi TDP Tiến Bộ)	1000	5	1550	270,0	60-40	930,00	620,00	
3	Đường bê tông tổ dân phố Soi. Hạng mục: Mở rộng mặt đường (đoạn từ ngã ba tổ dân phố Soi đến nhà văn hóa tổ dân phố Soi)	500	5	775	135,0	60-40	465,00	310,00	
4	Đường bê tông tổ dân phố 3 Tân Sơn. Hạng mục: Mở rộng mặt đường (đoạn từ đường sắt đến nhà ông Được)	500	5	775	135,0	60-40	465,00	310,00	
5	Đường bê tông tổ dân phố Phú Thái. Hạng mục: Mở rộng mặt đường (đoạn từ đường quốc lộ 37 đến cổng nhà ông Kiểm)	220	5	341	59,4	60-40	204,60	136,40	
6	Đường bê tông tổ dân phố Bàn. Hạng mục: Mở rộng mặt đường (đoạn từ cổng nhà ông Thiện đến cổng nhà bà Hà)	85	5	131,8	23,0	60-40	79,08	52,72	
II	Tuyến đường có quy mô mặt đường dưới 5m								
7	Đường bê tông tổ dân phố Ngân. Hạng mục: Mặt đường (đoạn từ đường Lương Sơn đi tổ dân phố 3 Tân Sơn)	400	3	372	64,8	40-60	148,80	223,20	
8	Đường bê tông tổ dân phố Phú Thái. Hạng mục: Mặt đường (đoạn từ đường quốc lộ 37 đến cổng nhà ông Đoàn)	340	4,5	474,3	82,7	40-60	189,72	284,58	
9	Đường bê tông tổ dân phố Phú Thái. Hạng mục: Mặt đường (đoạn từ ngã ba nhà ông Trụ đến cổng nhà ông Hà)	180	4,5	251,1	43,8	40-60	100,44	150,66	
10	Đường bê tông tổ dân phố Cừ. Hạng mục: Mặt đường (đoạn từ nhà văn hóa tổ dân phố Cừ đi tổ dân phố Nha Làng)	300	2,5	232,5	40,5	40-60	93,00	139,50	
III	Đường ngõ, ngách có quy mô mặt đường từ 2,5m trở lên								

TT	Tên công trình	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Khối lượng xi măng (tấn)	Đề xuất cơ chế hỗ trợ	Dự kiến Ngân sách nhà nước hỗ trợ (triệu đồng)	Dự kiến Nhân dân đóng góp (triệu đồng)	Ghi chú
11	Đường bê tông tổ dân phố Xốp. Hạng mục: Mặt đường (đoạn từ đường hiện trạng đến cổng nhà bà Tân)	300	3	279	48,6	Cấp xi	66,58	212,42	
H	UBND phường Phố Cò	375,0		663,0	75,7		345,20	317,80	
I	Tuyến đường có quy mô mặt đường từ 5m trở lên								
1	Đường bê tông TDP Thanh Xuân 2 đoạn từ đường Cách mạng tháng 8 đến hết đất ông Hải Huệ	200	5	400	35,0	60-40	240,00	160,00	
II	Tuyến đường có quy mô mặt đường dưới 5m								
2	Đường bê tông TDP Tân Huyện (đoạn từ đường rẽ Anh Vân đến cổng ông Toàn)	140	3	173	25,7	40-60	69,20	103,80	
3	Đường bê tông TDP 2B đoạn từ đường bê tông hiện trạng đến cổng nhà bà Lan Anh	35	3	90	15,0	40-60	36,00	54,00	
III	Đường ngõ, ngách có quy mô mặt đường từ 2,5m trở lên								
I	UBND phường Thắng Lợi	1.430,0		1.192,0	180,6		677,60	514,40	
I	Tuyến đường có quy mô mặt đường từ 5m trở lên								
1	Đường bê tông TDP Kè, phường Thắng Lợi; Hạng mục: Mở rộng mặt đường (đoạn từ giao với đường Thống Nhất đi Đòng Đình)	1370	5	1096	166,0	60-40	657,60	438,40	
II	Tuyến đường có quy mô mặt đường dưới 5m								
III	Đường ngõ, ngách có quy mô mặt đường từ 2,5m trở lên								
2	Đường bê tông tổ 12, phường Thắng Lợi; Hạng mục: Cứng hoá mặt đường (đoạn giao từ đường Cách mạng tháng 8 đến cổng nhà bà Doãn)	60	4	96	14,6	Cấp xi	20,00	76,00	

Phụ lục III:
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KÊNH, MƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG NĂM 2025
 (Kèm theo Tờ trình số **56** /TTr-UBND ngày **14** / **3** /2025 của UBND thành phố Sông Công)

TT	Tên công trình	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Đề xuất cơ chế hỗ trợ	Dự kiến Ngân sách nhà nước hỗ trợ (triệu đồng)	Dự kiến Nhân dân đóng góp (triệu đồng)	Ghi chú
A	UBND phường Phố Cò	200		100	100	
1	Mương TDP 3, phường Phố Cò đoạn từ nhà ông Sướng đến nhà ông Trương	200	50-50	100	100	

Phụ lục IV:
DANH MỤC CÔNG TRÌNH NHÀ VĂN HÓA XÓM, TDP NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số *56* /TTr-UBND ngày *14/3* /2025 của UBND thành phố Sông Công)

STT	Tên công trình	Xây mới		Sửa chữa	
		Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng)	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng)
	Tổng	1.100	250	638	319
A	UBND phường Thắng Lợi			138	69
1	Sửa chữa Nhà văn hoá tổ 10, phường Thắng Lợi			138	69
B	UBND phường Mỏ Chè	1.100	250		
1	Xây dựng nhà văn hoá TDP 9	1.100	250		
C	UBND xã Bình Sơn			300	150
1	Sửa chữa Nhà văn hoá xóm Bá Vân 1			300	150
D	UBND xã Tân Quang			200	100
1	Sửa chữa Nhà văn hóa xóm Tân Thành I			200	100